

Một số giải pháp phát triển chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Phạm Ngọc Tuấn
Trưởng Đại học Mở - Địa chất

Thông qua phân tích thực trạng triển khai chương trình OCOP tại tỉnh Hòa Bình trong thời gian gần đây, bài báo rút ra các điểm đạt được và hạn chế của chương trình, qua đó là căn cứ đề xuất các giải pháp giúp phát triển chương trình OCOP tại tỉnh Hòa Bình. Bằng việc kết hợp các giải pháp này và triển khai chặt chẽ với chương trình OCOP quốc gia, tỉnh Hòa Bình có thể đạt được tiến bộ đáng kể trong việc phát triển nền kinh tế cộng đồng, tạo ra lợi ích lâu dài cho cả người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

1. Mở đầu

Để góp phần thực hiện thành công Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chính phủ đã phê duyệt và đưa chương trình Mỗi xã một sản phẩm vào thực hiện. Chương trình được thực hiện từ năm 2018, đến tháng 10/2023 đã có 63/63 tỉnh, thành phố tham gia chương trình OCOP, tổ chức, phân hạng, đánh giá sản phẩm. Từ đầu năm 2019, UBND tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt Chương trình OCOP và được triển khai rộng rãi đến tất cả các địa phương trực thuộc trên địa bàn. Tính đến hết năm, Hòa Bình đã có 158 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó số lượng sản phẩm đạt 3 sao 124 sản phẩm; số lượng sản phẩm đạt 4 sao 32 sản phẩm chiếm. Đáng chú ý, cho đến thời điểm thống kê, chưa có sản phẩm nào đạt tiêu chuẩn 5 sao, đây là những sản phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn xuất khẩu. Bên cạnh những thành tích đã đạt được kể từ khi thực hiện Chương trình theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Chương trình OCOP của tỉnh Hòa Bình vẫn bộc lộ một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền đến người dân và chủ thể tham gia, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, khả năng mở rộng vùng nguyên liệu còn hạn chế và kinh phí hạn hẹp. Do đó, việc phát triển các sản phẩm OCOP hiện có theo chiều sâu, bổ sung những sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm OCOP của tỉnh và nâng cấp các sản phẩm lên 5 sao là vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết.

2. Cơ sở lý thuyết

Chương trình mỗi làng một sản phẩm (OVOP) được bắt đầu từ năm 1979 tại tỉnh Oita, Nhật Bản. Sự thành công của chương trình một phần nhờ sự hưởng ứng của cộng đồng dân cư địa phương. Dự án đã làm thay đổi nhận thức của chính quyền địa phương về phương thức phát triển kinh tế địa phương gắn liền với lợi thế của vùng miền. Sự thành

công của OVOP được nhiều nước trên thế giới học tập và triển khai trên đất nước của họ như một giải pháp giúp phát triển kinh tế nông nghiệp một cách bền vững. Đến nay đã có 43 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã triển khai chương trình Mỗi xã một sản phẩm với các tên gọi khác nhau [13]. Tại Thái Lan, chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OTOP) lấy ý tưởng từ OVOP. Chính phủ giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành ý tưởng phát triển sản phẩm; đào tạo; hỗ trợ công nghệ, tài chính và tiếp thị trong và ngoài nước. Tại Đài Loan và Philippines chương trình này có tên gọi Mỗi thị trấn một sản phẩm. Tại Malaysia, Campuchia, một số nước Châu Phi lấy tên gọi Mỗi làng một sản phẩm...

Kế thừa kinh nghiệm triển khai Chương trình OVOP của Nhật Bản, OTOPI của Thái Lan, Việt Nam đã triển khai thí điểm chương trình Mỗi xã một sản phẩm tại tỉnh Quảng Ninh, năm 2013. Chương trình được thiết kế cho các hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tự chủ động về ý tưởng sản xuất sản phẩm, nghiên cứu thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ chính sách, thông tin và xúc tiến. Ngày 07/05/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định 490/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020. Đến nay sau 5 năm triển khai, Chương trình OCOP đã được triển khai mạnh mẽ ở tất cả 63/63 tỉnh thành ở Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng chương trình Mỗi xã một sản phẩm của tỉnh Hòa Bình

- Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành: Thực hiện quyết định số 148/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, về việc thành lập

Hội đồng và Tổ tư vấn đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 171/QĐ-HĐĐG ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng và Tổ tư vấn đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2023-2025, về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và Tổ tư vấn đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2023-2025 làm căn cứ để đánh giá, sản phẩm OCOP cấp tỉnh đảm bảo theo quy định hiện hành

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức Chương trình OCOP: Xác định, công tác tuyên truyền có vai trò đặc biệt quan trọng để nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân, trong thời gian qua tỉnh Hòa Bình đã rất quan tâm đến công tác này. Hoạt động truyền thông đã được thực hiện thông qua nhiều cách: Thông qua các hội nghị triển khai, tuyên truyền lồng ghép trong chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; trả lời phỏng vấn về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình, các báo, đài truyền hình Trung ương và địa phương nhằm truyền tải nội dung về chương trình OCOP đến với mọi tầng lớp nhân dân.

- Công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực trong triển khai thực hiện chương trình: Năm 2023, Sở Nông nghiệp & PTNT giao Văn phòng điều phối Nông thôn mới (NTM) tỉnh triển khai 100% các chương trình tập huấn do Văn phòng điều phối NTM Trung ương tổ chức theo hình thức trực tiếp, trực tuyến đến các huyện, thành phố và các chủ thể OCOP; Toàn tỉnh tổ chức được 22 lớp, trong đó: Văn phòng điều phối tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn cho 56 người là cán bộ triển khai Chương trình cấp huyện, xã; chủ thể có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2023; các Sở ngành và cấp huyện tổ chức được 20 lớp tập huấn cho 813 lượt người tham gia tập huấn về các nội dung du lịch nông thôn, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và sở hữu trí tuệ ...

- Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, kết nối cung cầu – tiêu thụ sản phẩm OCOP: Công tác Quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, kết nối cung cầu – tiêu thụ sản phẩm OCOP được quan tâm ưu tiên hàng đầu. Đối với thị trường trong nước, tháng 3/2023, Sở NN&PTNT tổ chức đoàn công tác đi kết nối giao thương, tiêu thụ sản phẩm OCOP tỉnh Hòa Bình đến các tỉnh: Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận nhằm hỗ trợ các chủ thể OCOP xây dựng chuỗi liên kết sản phẩm giá trị gia tăng, được tiêu thụ tại hệ thống phân phối hiện đại, chợ đầu mối của các tỉnh bạn;

triển khai Hội nghị trực tuyến Xúc tiến đầu tư tỉnh Hòa Bình năm 2022. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại – Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn các sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên có đủ điều kiện xúc tiến thương mại trên hệ thống các sàn thương mại điện tử (chợ phiên OCOP trên nền tảng TikTok), kênh bán lẻ quốc tế tại các thị trường nước ngoài (Châu Âu, Trung Quốc...).

- Chuẩn hóa, phát triển sản phẩm OCOP: Lũy kế tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh có 158 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (02 sản phẩm OCOP tiềm năng hạng 5 sao; 32 sản phẩm OCOP hạng 4 sao và 124 sản phẩm OCOP hạng 3 sao) tập trung chủ yếu vào nhóm sản phẩm đặc thù, thế mạnh của tỉnh được các khách hàng trong nước và quốc tế tin dùng như: Cam Cao phong, Bưởi đỏ Tân Lạc, Cá sông Đà, sản phẩm chế biến từ măng nứa, măng bát độ, nhóm dược liệu như cao cà gai leo, cao xạ đen, du lịch cộng đồng, thổ cẩm dân tộc...

3.2. Những tồn tại, hạn chế trong công tác triển khai Chương trình OCOP tại tỉnh Hòa Bình

Qua phân tích thực trạng quá trình triển khai chương trình OCOP, bài báo rút ra một số hạn chế cần được khắc phục như sau:

- Công tác tuyên truyền quyền lợi, lợi ích đem lại cho chủ thể khi tham gia Chương trình OCOP còn chưa sâu rộng đến cộng đồng.

- Phần lớn các sản phẩm OCOP là hạng 3 sao, chiếm 78%, có quy mô sản xuất nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lớn; tuân thủ và áp dụng các quy định hiện hành về quản lý chất lượng, ghi bao bì, nhãn mác, sở hữu trí tuệ, ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế do các sản phẩm OCOP chủ yếu là các sản phẩm sơ chế hoặc chế biến đơn giản, giá trị gia tăng thấp; chưa có nhiều sản phẩm OCOP của tỉnh được phân phối tại các hệ thống siêu thị.

- Việc xây dựng hoàn thiện một bộ hồ sơ sản phẩm OCOP mất nhiều thời gian và kinh phí khi triển khai thực hiện như: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất; phiếu kiểm nghiệm sản phẩm, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, đăng ký sở hữu trí tuệ... gây tâm lý e ngại đối với chủ thể.

4. Khuyến nghị giải pháp phát triển sản phẩm OCOP cho tỉnh Hòa Bình

Nài báo rút ra một số giải pháp nhằm phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh như sau:

Thứ nhất, Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành: Tăng cường công tác lãnh đạo của các cấp lãnh đạo thuộc tỉnh Hòa Bình; công tác phối hợp chặt chẽ có trách nhiệm của các Sở, ban, ngành đoàn thể và có sự tham gia của cấp ủy Đảng chính quyền

để phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị thông qua đưa Chương trình OCOP vào nghị quyết của cấp ủy đảng các cấp; kế hoạch, chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của chính quyền địa phương. Đối với cấp Huyện, cần gắn Chương trình OCOP với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch kinh tế - xã hội của địa phương. Đối với cấp xã cần chú trọng đến vai trò định hướng, hỗ trợ các chủ thể, người dân tham gia chương trình OCOP.

Thứ hai, Đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn và xúc tiến thương mại, quảng bá kết nối giao thương trong và ngoài nước

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các chương trình, dự án nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức, hội, đoàn thể, các hội nghị, hội thảo các cấp về chương trình OCOP, sản phẩm OCOP.

- Tích cực đào tạo, tập huấn, hướng dẫn và kiểm soát chặt chẽ việc áp dụng, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất đã được quy định trong các văn bản quy phạm của nhà nước. Ngoài ra tỉnh cũng cần phải quan tâm đào tạo kiến thức và kỹ năng về Digital marketing trong việc truyền thông, xúc tiến và tiêu thụ các sản phẩm OCOP.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại đến các địa phương, phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ các chủ thể chủ động tham gia các Hội chợ, Hội nghị xúc tiến thương mại do tỉnh Hòa Bình, các tỉnh thành khác tổ chức trong nước.

- Cung cấp thông tin thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho các chủ thể để đảm bảo bao tiêu sản phẩm cung cấp ra thị trường; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tập trung đẩy mạnh hỗ trợ các chủ thể sản xuất OCOP tỉnh tham gia Gian hàng Việt trực tuyến trên các sàn Thương mại điện tử uy tín như Lazada.vn, Shopee.vn, Sendo.vn, tiki.vn; Voso.vn, Posmart...;

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ chung cho cả chương trình. Quảng bá rộng rãi chương trình OCOP, tiêu chí của các sản phẩm OCOP đến rộng rãi người tiêu dùng trên địa bàn. Xây dựng thương hiệu OCOP với các sản phẩm đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh, số lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Thứ ba, Ứng dụng chuyển đổi số trong triển khai chương trình OCOP

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX sản xuất sản phẩm OCOP. Thực hiện đăng ký truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP trên hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia chương trình ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến hiện đại trong sản xuất, bảo quản, chế biến đối với sản phẩm OCOP, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm OCOP, như: Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP), tiêu chuẩn quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh (SSOP), tiêu chuẩn hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm giới hạn (HACCP), quy trình quản lý chất lượng (ISO)...

Thứ tư, Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm OCOP

- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát đối với sản phẩm OCOP đã được đánh giá và công nhận; báo cáo các sản phẩm OCOP không còn sản xuất, không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm so với quy định để trình cấp có thẩm quyền thu hồi các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn của chương trình.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng logo OCOP đối với các sản phẩm OCOP đã được đánh giá, công nhận đạt từ 3 sao trở lên: trong đó đặc biệt chú ý đối với các sản phẩm đã hết thời hạn (36 tháng) mà không tham gia đánh giá lại, hoặc có sự thay đổi về mức đạt sao sau khi đánh giá, công nhận lại sản phẩm.

- Rà soát, định hướng phát triển các sản phẩm không chạy theo số lượng mà phát triển sản phẩm theo chất lượng. Tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm đã có, hoàn thiện các điều kiện để nâng hạng các sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao, từ 4 sao lên 5 sao nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của thị trường./

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương C., “Nâng cao chất lượng, đổi mới phương thức quảng bá sản phẩm OCOP,” <http://moit.gov.vn/tin-tuc/xuc-tien-thuong-mai/san-pham-ocop-ngay-cang-nang-cao-so-luong-va-chat-luong.html>

Tran T., “Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới,” *Dong Thap University Journal of Science*, vol. 12, no. 9, Art. no. 9, Dec. 2023,

V. T. Danh, P. T. Bình, V. T. B. Thợ, N. T. Nghĩa, and V. N. D. Khiêm, “Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh An Giang,” *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, vol. 21, no. 2, pp. 246–254, 2023.

Thị H. M., “Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Bắc Giang,” *TC KTPT*, no. 312, Art. no. 312, Jun. 2023.

Nghiên cứu vận dụng giá trị hợp lý trong kế toán đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tại Việt Nam

Mai Thị Trang

Trường Đại học Giao thông vận tải

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) trong đề tài mã số T2024-KT-006.

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam hiện nay, việc đổi mới trong lập và trình bày báo cáo tài chính (BCTC) nhằm minh bạch thông tin, tiệm cận với các tiêu chuẩn, yêu cầu của quốc tế là điều tất yếu. Việt Nam đang hướng tới áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) và xây dựng chuẩn mực BCTC Việt Nam. Theo đó, các vấn đề liên quan đến áp dụng IFRS 13 về giá trị hợp lý (GTHL) được xem là rào cản lớn. Bài viết này tìm hiểu thực trạng áp dụng mô hình GTHL tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp vận dụng GTHL trong kế toán đối với việc lập và trình bày BCTC của các công ty niêm yết.

1. Mở đầu

Tại nhiều quốc gia trên Thế giới và Việt Nam, mô hình giá gốc vẫn được sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên mô hình này cũng đang bộc lộ những hạn chế nhất định và dần thay thế bởi mô hình GTHL. BCTC công bố theo GTHL cung cấp thông tin theo giá trị thực của các tài sản, ghi nhận được những thay đổi do biến động của thị trường, giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin trên BCTC có cái nhìn thực tế, khách quan và đưa ra những quyết định đúng đắn.

IFRS số 13 về việc đo lường GTHL ra đời là nội dung quan trọng trong IFRS và Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2020 phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam nhằm hướng tới áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế và chuẩn mực BCTC Việt Nam mới từ sau năm 2025 là bước tiến cần thiết của Việt Nam trong việc đổi mới, cải cách và hòa nhập để phát triển trong thị trường biến đổi đa phương, đa chiều hiện nay.

2. Mô hình GTHL trong kế toán

Trên thế giới, GTHL bắt đầu trở thành cơ sở tính giá trong kế toán từ cuối những năm 1990, tuy nhiên định nghĩa và cách xác định ở giai đoạn ban đầu chưa có sự nhất quán.

- Theo Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB): GTHL là giá trị mà một TS được trao đổi, hay một khoản công nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ sự hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

- Theo Hội đồng chuẩn mực Kế toán tài chính Mỹ (FASB): GTHL là giá mà có thể nhận được khi bán

một tài sản, hoặc có thể thanh toán, để chuyển giao một khoản nợ phải trả, trong một giao dịch bình thường giữa những người tham gia trên thị trường tại ngày định giá.

Năm 2011, IFRS 13 về Đo lường GTHL đã được ban hành, có hiệu lực từ 01/01/2013 đưa ra định nghĩa chính thức về GTHL, thống nhất phương pháp đo lường và yêu cầu công bố thông tin. Theo đó, GTHL là giá sẽ nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi thanh toán một khoản nợ phải trả trong một giao dịch thông thường giữa các bên tham gia thị trường tại ngày đo lường.

Tại Việt Nam: Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đưa ra khái niệm: GTHL là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS): GTHL là giá trị tài sản có thể được trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, trong sự trao đổi ngang giá.

* Đo lường giá trị hợp lý

IFRS 13 đã đưa ra 3 cấp độ xác định GTHL, cấp độ càng cao thì ước tính càng đáng tin cậy:

Cấp độ 1: Các dữ liệu tham chiếu là giá niêm yết (chưa điều chỉnh) của các TS hay nợ phải trả đồng nhất, trong các thị trường hoạt động mà tổ chức có thể thu thập tại ngày đo lường;

Cấp độ 2: Các dữ liệu tham chiếu có thể thu thập trực tiếp (giá thị trường) hay gián tiếp (xuất phát từ giá thị trường), khác giá niêm yết của cấp độ 1;

Cấp độ 3: Dữ liệu tham chiếu không có sẵn tại ngày đo lường, DN phát triển các dữ liệu tham chiếu

bằng cách sử dụng các thông tin đã có, có thể bao gồm dữ liệu riêng của DN.

Mô hình GTHL phản ánh được những thay đổi của thị trường. Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này là việc áp dụng ở những thị trường kém hoạt động bằng những phương pháp xác định và dữ liệu xác định không tối ưu có thể làm cho GTHL bị xác định sai lệch hoặc không chính xác, dẫn đến khủng hoảng thông tin tài chính.

3. Thực trạng vận dụng giá trị hợp lý trong kế toán đối với việc lập và trình bày BCTC của các công ty niêm yết tại Việt Nam

Hiện nay, tại Việt Nam có 3 sàn giao dịch chứng khoán lớn trực thuộc 2 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh là: Sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán UpCom, điều kiện để niêm yết tại Sàn HoSE được xem là khắt khe nhất, nhưng lại là nơi dễ thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư quốc tế.

Lập BCTC là quá trình tổ chức, tổng hợp và trình bày thông tin về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong một khoảng thời gian nhất định. Tại Việt Nam đang áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 21 (VAS 21): Trình bày BCTC.

Quyết định 345/QĐ/BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam ra đời nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tài chính, kế toán thúc đẩy hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Lộ trình áp dụng tại Việt Nam gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị (năm 2020-2021);
- Giai đoạn 1(năm 2022 – 2025): Áp dụng tự nguyện;
- Giai đoạn 2 (Sau năm 2025): Áp dụng bắt buộc.

Vì đang trong giai đoạn áp dụng tự nguyện nên mô hình giá gốc vẫn được áp dụng phổ biến, mô hình GTHL cũng đã bước đầu được áp dụng, tuy nhiên mức độ vẫn còn hạn chế. Theo nghiên cứu của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2022, khoảng 85% công ty niêm yết trên sàn HoSE đã áp dụng IFRS 13 về GTHL; mức độ này là thấp hơn so với các nước trong khu vực.

Sở giao dịch Chứng khoán - TP. Hồ Chí Minh công bố nhóm các cổ phiếu có vốn hóa lớn

(VN30), theo dõi BCTC những năm gần đây có thể nhận thấy hầu hết đều có áp dụng GTHL bên cạnh nguyên tắc giá gốc khi trình bày giá trị tài sản, chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính, GTHL được xác định dựa vào các định giá tương ứng theo giá thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc xác định trên cơ sở giá cổ phiếu niêm yết đóng cửa của sàn giao dịch chứng khoán. Nhưng vẫn có nhiều trường hợp phải dựa vào giá trị sổ sách, không xác định

được GTHL do không có thị trường hoạt động để có căn cứ thông tin định giá.

Đa số công ty niêm yết đã áp dụng GTHL nhận định rằng BCTC được lập trên cơ sở GTHL có thể dự báo, phản ánh tốt hơn sự biến động giá cả cổ phiếu so với giá gốc.

Tuy nhiên, thực tế ngoại trừ nhóm các DN tiêu biểu có quan tâm và áp dụng bước đầu GTHL trong công tác kế toán, hầu hết các DN còn lại chưa quan tâm đến việc vận dụng GTHL khi công bố thông tin vì nhiều lý do.

Việc áp dụng GTHL trong kế toán được đánh giá là mang lại những lợi ích thiết thực, cụ thể:

- Việc lập và trình bày BCTC trên cơ sở áp dụng GTHL đã cung cấp được các thông tin tài chính kịp thời, phù hợp với thị trường thực tế qua đó nâng cao được chất lượng thông tin tài chính, tăng cường khả năng đánh giá, ra quyết định cho ban giám đốc, cung cấp thông tin hữu ích hơn cho nhà đầu tư và chủ nợ, giúp tăng khả năng huy động vốn của công ty.

- Áp dụng IFRS và GTHL phù hợp các tiêu chuẩn kế toán quốc tế, giúp các công ty dễ dàng tiếp cận thị trường vốn quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập, nâng cao uy tín quốc gia.

- Kiểm soát được việc tăng vốn khống, do các nhà đầu tư sẽ nhìn thấy rõ vốn chủ sở hữu, kết quả kinh doanh; Cơ quan quản lý nắm được giá trị thực tế của công ty, giảm khả năng làm giả số liệu trên BCTC.

Việc áp dụng GTHL ghi nhận những mặt đạt được là đáng kể, tuy nhiên chưa nhiều DN niêm yết chọn áp dụng mô hình này vì một số hạn chế sau:

- Cơ sở pháp lý của kế toán GTHL chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ, khái niệm về GTHL ở trong các văn bản cơ sở pháp lý là không thống nhất, chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất.

- Thiếu thông tin của giá thị trường làm tham chiếu để xác định GTHL. Thị trường hoạt động của Việt Nam chưa đủ mạnh, các căn cứ phục vụ cho việc xác định GTHL chưa thực sự đáng tin cậy, vẫn còn tình trạng cố tình bóp méo các thông tin được công bố theo ý định chủ quan của người quản lý, điều hành DN. GTHL khả thi nhất khi áp dụng đối với các công cụ tài chính có giá niêm yết trên thị trường hoạt động. Nhưng trên thực tế, các khoản mục này chiếm một tỷ trọng không lớn trên BCTC nên ít được quan tâm.

- Việc áp dụng IFRS 13 cũng đòi hỏi phát sinh các chi phí để xác định GTHL, chất lượng thẩm định giá của các công ty ở Việt Nam còn nhiều bất cập.

- Trình độ của người làm kế toán các công ty niêm yết chưa đáp ứng việc áp dụng GTHL trong lập và trình bày BCTC mà vẫn quen với việc áp dụng nguyên tắc giá gốc trong thực hành kế toán theo hướng dẫn của các chế độ kế toán cũ.

4. Giải pháp đề xuất vận dụng giá trị hợp lý trong kế toán đối với việc lập và trình bày BCTC của các công ty niêm yết tại Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý của kế toán GTHL: Ban hành chuẩn mực Đo lường GTHL theo hướng tiệm cận và phù hợp với IFRS 13. Bên cạnh hoàn thiện những chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành để triển khai được GTHL trong kế toán cần tiếp tục ban hành các chuẩn mực còn thiếu, cập nhật chuẩn mực kế toán quốc tế phù hợp với điều kiện áp dụng GTHL trong việc lập và trình bày thông tin trên BCTC.

Thứ hai, từng bước xây dựng thị trường hàng hóa và thị trường tài chính Việt Nam theo hướng thị trường hoạt động để đáp ứng nhu cầu tìm kiếm các dữ liệu tham chiếu trong đo lường GTHL; đồng bộ và minh bạch hóa hành lang pháp lý về kinh doanh.

Thứ ba, phát triển đội ngũ cán bộ thẩm định giá trị tài sản. Đào tạo các cán bộ có đủ năng lực để thực hiện xác định GTHL của tài sản và nợ phải trả một cách đáng tin cậy.

Thứ tư, thực hiện phổ biến, đào tạo, tăng cường các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận về việc vận dụng GTHL trong kế toán, từ cơ quan chức năng, người làm công tác kế toán, cho đến các đối tượng sử dụng thông tin trên BCTC.

5. Kết luận

Theo xu hướng chung của nền kinh tế toàn cầu, hầu hết các nước đều đã và đang hướng tới áp dụng GTHL trong kế toán. Và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Để tăng cường vận dụng GTHL trong kế toán đối với việc lập và trình bày BCTC của các công ty niêm yết tại Việt Nam đòi hỏi các cơ quan chức năng cần phối hợp với các sở giao dịch chứng khoán, các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp khác hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các DN áp dụng IFRS nói chung và áp dụng GTHL trong kế toán nói riêng, thông qua những văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết. Hướng tới xây dựng các thị trường hoạt động để đảm bảo dữ liệu tham chiếu trong đo lường GTHL/.

Tài liệu tham khảo

Đặng Thị Bích Ngọc (2020). Mô hình giá gốc, GTHL trong kế toán - Thực tiễn và định hướng áp dụng tại Việt Nam. Tạp chí Công Thương.

Diana C. I. (2015). Fair Value measurement under IFRS 13. Constantin Brâncuși, University of Târgu Jiu, 3, 55-59.

Deloitte, IFRS 13 Fair value measurement, <http://www.iasplus.com/standard/ifrs13.htm>.

An toàn, bảo mật thông tin của các Quỹ...

Tiếp theo trang 119

3.3. Về phía ngân hàng Nhà nước

- Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với sản phẩm, dịch vụ mới; tạo dựng môi trường pháp lý thúc đẩy đổi mới sáng tạo của các QTDND, khuyến khích các giải pháp về công nghệ tài chính an toàn hiệu quả.

- Nghiên cứu, áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về an ninh, an toàn hệ thống thông tin vào các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các QTDND.

- Đưa vào áp dụng khung đánh giá rủi ro công nghệ thông tin theo thông lệ quốc tế để nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật tại các QTDND.

- Giám sát, đôn đốc các QTDND hoàn thành triển khai Kế hoạch áp dụng các giải pháp về an toàn bảo mật trong giao dịch thanh toán trực tuyến.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên trong QTDND và người dân trong việc nhận diện và giảm thiểu các rủi ro của hoạt động giao dịch, thanh toán với các QTDND trên không gian mạng.

4. Kết luận

Mạng lưới các QTDND đã và đang khẳng định vai trò quan trọng vào xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế đất nước nói chung. Mô hình QTDND đã và đang tiếp tục được định hướng, củng cố và phát triển một cách bền vững hơn nữa. Bên cạnh những QTDND thành công, vẫn có không ít QTDND còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Trình độ quản lý chưa cao, hiệu quả kinh doanh và khả năng hội nhập, thiếu vốn, công nghệ lạc hậu nên khó đảm bảo khả năng tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện nay...

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Kim Thanh (2022), Chuyển đổi số đối với các tổ chức tín dụng là hợp tác xã – Thực trạng và vấn đề đặt ra

Phan Thị Tuyết Trinh (2023), Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Bình tích cực chuyển đổi số để phát triển bền vững.

Các thông tư nghị định của NHNN: Thông tư 09/2020/TT- NHNN; thông tư 34/2018